

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Ông Phạm Công Định.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 123/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Vũ Văn H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: KDC S, phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Chị **Bùi Thị C**, sinh năm 1984.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L 2, xã N, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan (Trung Quốc).

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Vũ Văn H trình bày: Anh và chị Bùi Thị C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L (nay là phường M, thành phố L), tỉnh Hải Dương vào ngày 27/9/2004. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc đến năm 2014 thì chị C đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng không làm ăn được, do kinh tế gia đình khó khăn năm 2015 anh sang Đài Loan làm ăn để trả nợ tiền lo cho chị đi Nhật Bản và làm ăn kinh tế. Năm 2016 chị C về nước nhưng chỉ được khoảng 3 tháng thì chị lại đòi đi làm ăn tiếp, vì con còn nhỏ không có ai chăm sóc nên anh và gia đình không đồng ý và bảo chị ở nhà chăm con nhưng chị không nghe, vợ chồng xảy ra xô xát, cãi chửi nhau, chị về nhà để ở bỏ lại con cho ông bà nội chăm sóc. Đến cuối năm 2016 chị sang Đài Loan làm ăn nhưng vợ chồng không gặp nhau và rất ít liên lạc với nhau. Năm 2018 anh về nước còn chị vẫn ở Đài Loan, kể từ khi anh về nước vợ chồng không liên lạc với nhau, tình cảm lạnh nhạt và đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Việt H1, sinh ngày 01/12/2005 và Vũ Tuấn A, sinh ngày 14/9/2011, các con đang ở với anh, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại anh đang làm nhôm kính tại địa phương, thu nhập bình quân từ 10.000.000đ - 11.000.000đ/1tháng. Anh và các con đang sống cùng nhà với bố mẹ anh tại khu dân cư S, phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương, bố mẹ anh cùng hỗ trợ anh trong việc chăm sóc con cái. Anh đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dạy các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Bùi Văn C1 và bà Phan Thị C2 (là bố mẹ chị C) trình bày: Ông, bà không biết địa chỉ cụ thể của chị C ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị C vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại, ông, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị C biết. Thông qua gia đình chị C trình bày quan điểm nhất trí ly hôn, ban đầu chị đề nghị mỗi người nuôi một con và chị có nguyện vọng được nuôi con Vũ Tuấn A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Sau đó chị trình bày quan điểm tôn trọng quyền quyết định của các con, các con có nguyện vọng ở với ai chị cũng nhất trí và nhất trí quan điểm của anh H về việc không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị xác định vợ chồng có tài sản chung là Quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng, nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này về nước chị và anh H tự thống nhất phân chia, trường hợp không thống nhất phân chia được thì chị sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác và chị đề nghị được giải quyết vắng mặt. Ông C1, bà C2 có quan điểm: anh H, chị C không còn tình cảm với nhau đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật.

Con chung của anh H và chị C là Vũ Việt H1 và Vũ Tuấn A đều có nguyện vọng được ở với anh H.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh H, chị C đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu

thuần, nguyên nhân là do chị C đi nước ngoài đã lâu đến nay chưa về nước, vợ chồng sống xa cách nên tình cảm có sự mai một, rạn nứt. Nay anh H có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng cơ bản thực hiện đúng định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho anh Vũ Văn H ly hôn chị Bùi Thị C. Về con chung: Giao con chung Vũ Việt H1 và Vũ Tuấn A cho anh H nuôi dưỡng, chị C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Vũ Văn H sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Bùi Thị C có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn L 2, xã N, thành phố L, tỉnh Hải Dương, hiện chị C đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị C ở Đài Loan. Tòa án đề nghị gia đình chị C cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình chị C và gia đình đã thông báo cho chị C biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh H và chị C. Đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai anh H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị C vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn H và chị Bùi Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L (nay là phường M, thành phố L), tỉnh Hải Dương vào ngày 27/9/2004 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì chị C đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng không làm ăn được, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế và cách tổ chức cuộc sống gia đình. Năm 2015 anh sang Đài Loan làm ăn, đến năm 2016 chị C về nước nhưng do không có ai chăm sóc các con nên anh và gia đình khuyên chị ở nhà chăm con nhưng chị cương quyết đi

làm ăn nên đã về nhà để ở và tiếp tục sang Đài Loan vào năm 2016. Từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau và không cùng nhau chung sống, đến năm 2018 anh về nước, vợ chồng chấm dứt liên lạc và đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai nên anh H đề nghị xin ly hôn. Thông qua gia đình, chị C thông tin và xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh H ly hôn chị C là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Anh H, chị C có hai con chung là Vũ Việt H1, sinh ngày 01/12/2005 và Vũ Tuấn A, sinh ngày 14/9/2011, hiện các con đang ở với anh H, anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại chị C đang lao động ở Đài Loan, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Các con đều có nguyện vọng được ở với anh H, chị C tôn trọng quyết định của các con và nhất trí việc anh H không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả hai con Vũ Việt H1 và Vũ Tuấn A cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng cho con. Nếu có căn cứ cho rằng anh H không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị C có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có) theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn H ly hôn chị Bùi Thị C.

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho anh Vũ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Vũ Việt H1, sinh ngày 01/12/2005 và Vũ Tuấn A, sinh ngày 14/9/2011 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh H tạm thời không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0006363 ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Bùi Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường M, thành phố L, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Trường**  
**(Đã ký)**